

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/12/2021

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Hoàng Vũ**

2- Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 77/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Tấn L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp V, xã TB, huyện TB, tỉnh C. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thùy D**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp VT, xã HC, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 5 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Tấn L trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Anh và chị D tự nguyện tìm hiểu nhau và được sự đồng thuận của gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2017, đến ngày 05/9/2017 vợ chồng

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện TB, tỉnh C. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm thuê ở Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, anh và chị D thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, làm ăn không thuận lợi. Đến khoảng tháng 6 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên chị D dẫn con về nhà cha, mẹ ruột ở ấp VT, xã HC ở cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị D.

- Về con chung: Anh và chị D có 01 người con chung tên Huỳnh Tấn N, sinh ngày 24/10/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với chị D. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh tự thỏa thuận với chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho chị Nguyễn Thùy D biết về yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn L và triệu tập chị D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị Nguyễn Thùy D đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa xét xử, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị D, thống nhất giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con. Anh L tự thỏa thuận với chị D về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L và chị D không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thùy D được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản

2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Anh L và chị D xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được sự thống nhất của hai bên gia đình tổ lễ cưới vào đầu năm 2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TB, huyện TB, tỉnh C vào ngày 05/9/2017. Quan hệ hôn nhân của anh L và chị D là hợp pháp.

Theo anh L trình bày thì trong quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị D thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, làm ăn không thuận lợi. Khoảng tháng 6 năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn càng trầm trọng hơn nên chị D dẫn con về nhà cha, mẹ ruột ở ấp VT, xã HC ở cho đến nay.

Ngày 02/11/2021, Tòa án đã tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh L và chị D, chính quyền địa phương cho biết do anh L và chị D đi làm ăn xa, không thường xuyên sinh sống ở địa phương nên không rõ nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn.

Hội đồng xét xử nhận thấy anh L và chị D không còn sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Chị D cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của anh L. Từ đó cho thấy mục đích hôn nhân của anh L và chị D không đạt được, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L.

Về con chung: Anh L xác định anh và chị D có 01 người con chung tên Huỳnh Tấn N, sinh ngày 24/10/2017, giới tính nam, hiện nay con đang sống với chị D. Khi ly hôn anh L đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

Chị D không có ý kiến về con chung, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy cháu N đang sống với chị D, anh L cũng thống nhất giao con cho chị D nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nếu chị D có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Anh L có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L tự thỏa thuận với chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh L xác định anh và chị D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Huỳnh Tấn L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000712 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Huỳnh Tấn L được ly hôn với chị Nguyễn Thùy D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Tấn N, sinh ngày 24/10/2017, giới tính nam cho chị Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Huỳnh Tấn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nếu chị Nguyễn Thùy D có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

Anh L có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L tự thỏa thuận với chị D, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh L xác định anh L và chị D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Huỳnh Tấn L phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo lai thu số 0000712 ngày 06/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 07/12/2021), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Vũ

Nguyễn Thị Hồng Thắm

Lư Quốc Thịnh